

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN QUÝ 4/ 2015
(Thu nhập từ tiền công, tiền thù lao của cá nhân có ký hợp đồng lao động BC + HĐQTC)

STT	HỌ	TÊN	ĐƠN VỊ	Tổng thu nhập chịu thuế/Quý	Các khoản giảm trừ/ Quý			Thu nhập tính thuế/quý	Số thuế nộp/quý	Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q4/2015	Số thuế chênh lệch		Ghi chú
					Bản thân	Người phụ thuộc	Trừ bảo hiểm bắt buộc				Phải nộp thêm	Được thoái trả	
26	Nguyễn Thị	Nhuận	THPT	35.537.680	27.000.000	-	1.796.036	6.741.644	337.083	0	337.083		
27	Lý Hoàng	Nam	THPT	28.365.061	27.000.000	-	967.209	397.852	19.893	404.911		385.018	
29	Trần Mỹ	Thanh	THPT	23.822.400				23.822.400	2.382.240	2.382.240			Chuyển trường
30	Trần Thị Hồng	Thu	THPT	19.827.808				19.827.808	1.982.781	1.982.781			Chuyển trường
31	Phương Kim	Cường	THPT	6.059.420				6.059.420	498.302	498.302			Chuyển trường
32	Trần Thị Thúy	Nga	THPT	21.209.472				21.209.472	2.120.947	2.120.947			Chuyển trường
33	Nguyễn Thị Mỹ	Liên	THPT	7.008.526				7.008.526	1.035.895	1.035.895			Chuyển trường
34	Lê Thị	Hòa	THPT	9.336.891				9.336.891	1.365.084	1.365.084			Chuyển trường
35	Nguyễn Minh	Nhật	THPT	4.361.604				4.361.604	619.318	619.318			Chuyển trường
36	Trần Anh Nga	My	THPT	24.938.400				24.938.400	2.493.840	2.493.840			Chuyển trường
37	Lưu Thị Ngọc	Thúy	THPT	7.298.364				7.298.364	954.912	954.912			Chuyển trường
38	Trương Thành	Khoa	THPT	4.828.973				4.828.973	414.403	414.403			Chuyển trường
39	Lâm Hải	Trưởng	THPT	8.587.970				8.587.970	763.797	763.797			Chuyển trường
40	Viên Ngọc	Bạch	THPT	7.959.688				7.959.688	700.969	700.969			Chuyển trường
41	Phạm Thị Song	Đào	THPT	9.616.541	27.000.000	32.400.000	554.062			1.508.412		1.508.412	
42	Phan Vũ Bằng	Thạch	THPT	17.986.165	27.000.000	21.600.000	967.209			216.680		216.680	
43	Thái Thị Thanh	Trang	THPT	19.677.500	27.000.000	10.800.000	1.152.969			225.576		225.576	
44	Nguyễn Thị	Tươi	THPT	20.477.985	27.000.000	21.600.000	967.209			681.724		681.724	
45	Lê Thị Kim	Nhân	THPT	21.035.344	27.000.000	10.800.000	1.021.545			397.416		397.416	
46	Trương Thị	Hòa	THPT	20.454.261	27.000.000	10.800.000	1.173.690			333.152		333.152	
47	Nguyễn Thị Bảo	Linh	THPT	23.003.140	27.000.000	10.800.000	1.057.770			1.014.420		1.014.420	
48	Lê Thị Thanh	Hà	THPT	25.866.063	27.000.000	-	1.086.750			410.874		410.874	
49	Đỗ Thị	Vân	THPT	24.627.626	27.000.000	10.800.000	1.141.089			194.793		194.793	
50	Ngô Thanh	Điền	THPT	34.677.657	27.000.000	14.400.000	1.448.154			1.605.680		1.605.680	
51	Nguyễn Văn	Khắc	THPT	26.692.055	27.000.000	10.800.000	967.209			508.380		508.380	
52	Văn Trí	Lợi	THPT	32.802.640	27.000.000	10.800.000	1.314.858			1.186.520		1.186.520	
53	Nguyễn Thị Ngọc	Huệ	THPT	25.627.867	27.000.000	21.600.000	1.722.860			260.493		260.493	
54	Lê Minh	Phong	THPT	19.686.052	27.000.000	-	967.209			681.724		681.724	
55	Lữ Châu	Thị	THPT	26.543.750	27.000.000	21.600.000	1.374.087			1.159.368		1.159.368	
56	Hoàng Anh	Toàn	THPT	19.922.304	27.000.000	21.600.000	967.209			841.520		841.520	
57	Trần Đình	Phan	THPT	19.436.737	27.000.000	21.600.000	1.057.770			426.361		426.361	
58	Đình Công	Bình	THPT	21.851.263	27.000.000	-	1.086.750			629.553		629.553	
59	Trần Thị Mỹ	Huyền	THPT	18.108.454	27.000.000	-	967.209			189.595		189.595	
60	Trần Thị Tuyết	Mai	THPT	31.603.736	27.000.000	10.800.000	1.858.488			1.598.237		1.598.237	
61	Trần Quốc	Tuấn	THPT	24.261.932	27.000.000	10.800.000	1.338.984			751.289		751.289	
62	Phạm Thị	Đức	THPT	22.640.898	27.000.000	21.600.000	1.426.542			213.039		213.039	

Phòng Kế hoạch Tài chính: Thông báo đến các cá nhân có tên trong bảng danh sách phải nộp thuế TNCN trên, vui lòng đến nộp tại phòng KH-TC trước ngày 11/03/2016.